

Hoàng tử bé và những mối duyên lành

Nguyễn Tấn Đại (nguyentandai.vn)

Mối duyên 15 năm

Một ngày tháng 10 năm 2020, tôi nhận được một bức điện thư của cô N., giảng viên một trường đại học lớn tại Hà Nội, thưa gửi rất “lễ phép”, xin số điện thoại liên hệ để “xin phép được sử dụng một đoạn trích (chương XXI) trong bản dịch tác phẩm "Hoàng tử bé" của [tôi] để làm ngữ liệu cho một bài học trong SGK Ngữ Văn lớp 6 mới (bộ sách Kết nối tri thức và cuộc sống của NXB GD)". Tôi mau chóng trả lời và cho số điện thoại. Cuộc nói chuyện đầu tiên đã giúp cô N. trút đi một gánh nặng lo lắng, như cô kể, vì khi viết thư cho tôi cô cứ lo sợ chuyện một cụ dịch giả bảy tám chục tuổi đã dành cả cuộc đời cân nhắc từng câu từng chữ trong bản dịch, sao lại có người muốn đề nghị biên tập chỉnh sửa trước khi đưa vào sách giáo khoa. Đằng này lại gặp một anh bạn trẻ, tư tưởng rất cởi mở và sẵn sàng hợp tác trong việc chỉnh sửa, biên tập hay cung cấp các thông tin thuyết minh cần thiết giúp nhóm soạn sách thuyết phục Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa. Câu chuyện dẫn về một mối duyên đã “gieo” từ 15 năm trước đó...

Bản dịch “Hoàng tử bé” của tôi được xuất bản lần đầu năm 2005. Đó cũng là thời gian mà cô N. có con nhỏ. Cô đã mua bản dịch này cho con cô đọc và các cháu rất thích. Là giảng viên văn học, cô luôn đau đầu niềm mong ước được đưa tác phẩm này vào giảng dạy trong trường học tại Việt Nam, nhưng mãi vẫn chưa có cơ hội. Đến khi Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được ban hành kèm theo chủ trương khuyến khích phát triển nhiều bộ sách giáo khoa, cô được mời tham gia nhóm soạn sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, chủ trì môn Ngữ văn lớp 6. Dù tác phẩm này chỉ được giới thiệu làm ngữ liệu cho môn Văn từ lớp 8, cô đã chủ trương đưa tác phẩm vào ngay chủ đề giảng dạy đầu tiên ở lớp 6 về tình bạn.



| NỘI DUNG | Trang | Thực |
|--|-----------|-------|
| Hướng dẫn sử dụng sách | 2 | Mấy v |
| Lời nói đầu | 8 | Ta-go |
| Bài 1. Tôi và các bạn | 10 | Thực |
| Độc | 11 | Bức r |
| Bài học đường đời đầu tiên (trích Để Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài) | 12 | (Tạ C |
| Thực hành tiếng Việt | 20 | Viết |
| Nếu cậu muốn có một người bạn... (trích Hoàng tử bé, Ăng-tơ-an đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri) | 21 | Viết |
| Thực hành tiếng Việt | 26 | về r |
| Bắt nạt (Nguyễn Thế Hoàng Linh) | 27 | và r |
| Viết | 28 | Nói |
| Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em | 28 | Tri |
| Nói và nghe | 32 | tr |
| Kể lại một trải nghiệm của em | 32 | Có |
| Cùng cô, mở rộng | 33 | Th |
| Thực hành đọc | 34 | B |
| Bài 2. Gõ cửa trái tim | 38 | Đ |
| Độc | 39 | C |
| Chuyện cổ tích về loài người (Xuân Quỳnh) | 40 | l |

MỤC LỤC

– Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bóng hồng của bạn đã khiến bóng hồng của bạn trở nên quan trọng đến thế.
– Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bóng hồng của mình... – Hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.
– Con người đã quên mất sự thật này – con cáo nói – Nhưng bạn thì không được quên. Bạn có trách nhiệm mãi mãi với những gì bạn đã cảm hoá. Bạn có trách nhiệm với bóng hồng của bạn...
– Mình có trách nhiệm với bóng hồng của mình... – Hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ.
(Ăng-tơ-an đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri, Hoàng tử bé, Nguyễn Tấn Đại dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005, tr. 68 – 73; Nguyễn Tấn Đại hiệu đính bản dịch, 2020)

Sau khi đọc

- Ăng-tơ-an đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (1900 – 1944) là nhà văn lớn người Pháp. Ông là phi công và từng tham gia chiến đấu trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Hầu hết các tác phẩm của ông lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công. Ngòi bút của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn. Cùng với kiệt tác Hoàng tử bé, ông còn để lại một số tác phẩm xuất sắc như: Bay đêm, Cõi người ta, Phi công thời chiến...
- Hoàng tử bé là tác phẩm nổi tiếng nhất của Ăng-tơ-an đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.

Em có biết?

- Tên của tác giả Hoàng tử bé đã được dùng để đặt cho một thiên thể: hành tinh 2578 Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.
- Hoàng tử bé được hình chọn là tác phẩm văn học hay nhất thế kỷ XX của Pháp, và vẫn tiếp tục được in khoảng 2 triệu bản mỗi năm; được chuyển thể thành truyền hình, phim...
- Đến nay, đã có 8 bản dịch tác phẩm Hoàng tử bé ra tiếng Việt.

Cần phải nhớ lại rằng, khi ấy hội đồng thẩm định đang làm việc vô cùng nghiêm ngặt và thận trọng sau những lùm xùm liên quan đến bộ sách đầu tiên được phê duyệt và triển khai cấp tốc trong một quãng thời gian rất ngắn. Câu hỏi đầu tiên hội đồng đặt ra là dạy tác phẩm này ở lớp 6 có quá sức học sinh hay không, vì trong mắt các thành viên hội đồng tác phẩm này rất khó hiểu. Hơn nữa, tại sao không chọn bản dịch của một dịch giả tên tuổi hoặc đang phổ biến như Bùi Giáng, Nguyễn Thành Long, Vĩnh Lạc, Châu Diên, Trác Phong... mà lại là bản dịch của một người không tên tuổi đã ngưng phát hành từ lâu. Nhưng cô kiên trì thuyết phục hội đồng, vì rằng tác phẩm vẫn được dạy cho cả học sinh tiểu học ở các nước Âu-Mĩ, nếu tại Việt Nam bị xem là khó hiểu thì không phải do bản thân tác

phẩm, mà là do bản dịch. Và sau khi đã đọc rất kĩ bảy bản dịch tiếng Việt đã và đang lưu hành cho tới thời điểm ấy, cô tin rằng bản dịch của tôi là phù hợp để chuyển tải được những thông điệp hay đẹp của tác phẩm đến thế hệ học sinh trẻ tuổi hôm nay. Niềm tin của cô được chính hai độc giả nhí năm xưa xác tín và ủng hộ.

Quy trình xét duyệt làm nghiêm ngặt đến nỗi mọi thông tin đều được giữ kín cho đến khi chính thức được hội đồng thông qua về nguyên tác thì nhóm soạn sách mới bắt đầu liên hệ với các tác giả và dịch giả để xin phép sử dụng và phối hợp biên tập, hoàn thiện bản in sách giáo khoa. Bản in thử phải được trình hội đồng xét duyệt lại một lần nữa mới được chính thức đưa vào sử dụng. Từng câu, từng chữ, từng dấu chấm dấu phẩy, từng bức tranh ảnh minh họa đều được kiểm tra đối chiếu và giải trình hết sức cẩn thận. Chỗ nào giống chỗ nào khác so với bản in ban đầu đều phải được nêu rõ, kèm theo minh chứng xác thực từ dịch giả.

Và như thế, một kiệt tác văn chương thế giới đã được chính thức đưa vào trường học tại Việt Nam nhờ một mối duyên lành từ 15 năm trước. Và xa hơn nữa, đây là chuyện “trở về nguồn cội” của thiên phẩm vượt thời đại ấy, vì trong một mối “duyên rui” từ 70 năm trước đó, miền đất nhỏ bé xa xôi xứ Viễn Đông chính là nguyên nhân ra đời của tác phẩm này.

Mối “duyên rui” 70 năm

Trong tác phẩm “Hoàng tử bé” người kể chuyện là một chú phi công mộng mơ. Thuở nhỏ chú đã trút hết trí tưởng tượng vào những chuyến thám hiểm rừng sâu mà mình đọc được trong sách, rồi vẽ ra một tuyệt tác mà người lớn xung quanh chẳng ai đủ khả năng thông hiểu. Vì thế mà, “*lớn lên [chú] phải chọn một nghề khác và đã học làm phi công. [Chú] đã bay gần như cùng trời cuối đất.*” Đó cũng là cơ duyên dẫn đến [bối cảnh chính của toàn bộ câu chuyện](#). “*[Chú] đã sống cô độc như thế, không có ai thật sự đáng nói chuyện, cho đến khi xảy ra một tai nạn trên sa mạc Sahara, cách [đấy] sáu năm*”.

Dù tác phẩm là một sự pha trộn huyền ảo giữa cổ tích, ngụ ngôn và hồi kí, nhưng bối cảnh tai nạn máy bay ấy lại là một sự việc có thật. Đó chính là chuyến bay Paris-Sài Gòn do Antoine de Saint-Exupéry thực hiện vào cuối năm 1935, nhằm mục tiêu thiết lập một kỉ lục bay xuyên lục địa mới, lúc đó do André Japy nắm giữ với thành tích 98 giờ 52 phút. Ông cất cánh tại sân bay Le Bourget sáng sớm ngày 29 tháng 12 năm 1935, cùng với người thợ máy André Prévot, trên chiếc máy bay Caudron Simoun C630. Trong đêm 30 rạng sáng 31 tháng 12, khi bay ngang qua vùng trời giáp ranh giữa Lybia và Ai Cập, ông lái máy bay hạ thấp xuống dưới nhằm tránh một vùng mây lớn, và tai nạn đã xảy ra¹.

Do muốn lập kỉ lục bay mới, Antoine de Saint-Exupéry đã ưu tiên dành chỗ đồ thêm xăng mà bỏ qua hệ thống điện đài trên máy bay. Đồ ăn thức uống còn tìm thấy được trong xác máy bay là nửa lít cà phê, một phần tư lít rượu vang trắng, một ít nho và một trái cam. Hai người đã xoay sở tìm đủ mọi cách, đi đủ mọi hướng để mong tìm được dấu vết của một nơi chốn có người ở, cách xa ít nhất 400 kilomet. Suốt ba ngày vật vã lê chân vô định giữa muôn trùng cát, có những lúc chỉ thấy toàn ảo ảnh, tưởng đã chết đi sống lại, cuối cùng may mắn có một đoàn du mục đi ngang. Giữa chói chang sa mạc cỏ họng cháy khô, một tiếng kêu cũng không buông ra nổi, bóng người du mục nghèo khó hiện ra trước mắt hai nạn nhân giống như là “*đức chúa trời đầy quyền năng ban trao nước uống*”², một thức uống nhiệm màu mang sự sống trở về từ bên bờ cõi chết.

¹ Succession Saint Exupéry – d’Agay. *Paris-Saigon (1935)*. Antoine de Saint Exupéry. <https://www.antoinedesaintexupery.com/personne/paris-saigon-1935/>

² Antoine de Saint-Exupéry. *Terre des hommes*. Gallimard, 2000, p. 157.



Antoine de Saint-Exupéry bên xác chiếc máy bay Simoun C630.

Nguồn: [Succession Saint Exupéry – d'Agay](#).

Sau khi hồi phục, ông đã kể lại tai nạn này trên báo *L'Intransigeant* (Người không khoan nhượng) qua sáu kì đăng từ ngày 30 tháng 1 đến ngày 4 tháng 2 năm 1936. Sau đó ba năm, ông đã kết hợp những trang viết về tai nạn này cùng nhiều suy tưởng của mình qua nhiều tác phẩm và cả một lần tai nạn máy bay sau đó nữa, để viết nên tác phẩm "*Terre des hommes*", mà Bùi Giáng đã dịch thành "Cõi người ta". Ngay lập tức, tác phẩm này đã gây tiếng vang và đạt được Giải thưởng lớn dành cho tiểu thuyết của Viện Hàn lâm Pháp. Thế nhưng, những tâm tư trăn trở của ông vẫn chưa dừng lại, như trong một bức thư ông gửi mẹ năm 1940³:

Nguồn nước tươi mát duy nhất, con chỉ tìm thấy trong vài kỉ niệm tuổi thơ: mùi hương nến đêm Giáng sinh. Chính tâm hồn ngày nay đã trở nên xiết bao khô cằn. Ta chết vì khát.

Con có thể viết, con có thời gian, nhưng con không biết viết thế nào, quyển sách chưa chín muồi trong con. Một quyển sách có thể "ban trao nước uống".

Suốt từ khi tai nạn xảy ra cho đến sáu năm sau, những tâm tư, suy nghĩ, chiêm nghiệm về cuộc sống và về thân phận con người đã không ngừng nung nấu trong lòng tác giả. Kể cả những hoài niệm tuổi thơ cũng không ngừng tuôn chảy ngược về hiện tại. Rồi với đơn đặt hàng của nhà xuất bản Reynal & Hitchcock, muốn ông viết một tác phẩm dành cho trẻ em mùa Giáng sinh năm 1942, ông đã lột bỏ hết các yếu tố hiện thực trong "*Terre des hommes*", bổ sung thêm các nhân vật khác, kết hợp những chuyến viễn du đã từng trải qua, chăm chút từng câu từng chữ như muốn truyền hết những cảm nghĩ cuộc đời mình cho các bạn đọc nhỏ tuổi, viết nên thiên phẩm "Hoàng tử bé". Đơn giản nhất có thể, trong sáng nhất có thể. Sự đơn giản tối thượng đó cũng chính là sự sâu sắc thâm thúy tột cùng.

Ở [chương XXV](#), tác giả đã chuyển hoá ý tưởng về quyền năng "ban trao nước uống" thành một đoạn văn trong trẻo thuần khiết như sau:

Và tôi chợt hiểu ra thứ mà cậu đi tìm.

Tôi đưa gàu nước lên môi cậu. Cậu uống, đôi mắt nhắm nghiền. Thật êm đềm như một nghi lễ! Thứ nước này là gì đó khác hẳn một thức uống. Nó đã được tạo ra từ những bước chân

³ Antoine de Saint-Exupéry. *Lettres à sa mère*. Gallimard, 2001, p. 230.

dưới bầu trời sao, từ tiếng hát của chiếc rờng rọc, từ sự gắng sức của đôi tay tôi. Nó thật tốt cho trái tim, như một món quà. Hồi tôi còn nhỏ, ánh sáng từ cây thông giáng sinh, tiếng nhạc thánh lễ lúc nửa đêm, cùng những nụ cười dịu dàng, tất cả đã tạo nên vàng sáng lung linh quanh món quà Giáng sinh mà tôi được nhận.

Vì tác giả muốn tự tay vẽ tranh minh hoạ với tất cả tình yêu thương dành cho nhân vật của mình, tác phẩm chỉ được xuất bản chính thức ngày 6 tháng 4 năm 1943. Đây là đợt phát hành duy nhất khi tác giả còn sống, cả bản gốc tiếng Pháp lẫn bản dịch tiếng Anh của Katherine Woods. Và đây cũng là tác phẩm cuối cùng của Antoine de Saint-Exupéry lúc sinh thời, bởi đúng một tuần sau đó ông lên đường tham gia chiến đấu cùng quân kháng chiến Pháp. Hơn một năm sau, ngày 31 tháng 7 năm 1944, ông đã thực hiện chuyến bay nhiệm vụ cuối cùng của mình rồi vĩnh viễn không trở lại.

Một chuyến ra đi phải chăng đã được tiên liệu sẵn, như chuyến trở về tiểu hành tinh B612 cùng bông hoa hồng kiêu kì yêu dấu của hoàng tử bé? Hầu như ai cũng đồng thuận rằng nhân vật hoàng tử bé chính là hiện thân của tác giả, và trong chương kết ông đã viết rằng: “tôi biết chắc rằng cậu đã trở về hành tinh của mình, bởi vì, bình minh hôm sau tôi đã không còn thấy thân thể của cậu. Một thân thể chẳng nặng nề gì mấy...” Một điều trùng hợp kì lạ với sự mất tích của ông giữa muôn trùng khơi, khi mà mãi đến hơn 50 năm sau người ta mới lần lượt tìm thấy những di vật và xác chiếc máy bay ngoài khơi Marseille, nhưng hoàn toàn không có vết tích thân thể của ông, như đã vĩnh viễn hoà tan vào lòng Địa Trung Hải.

Với bạn đọc Việt Nam, tác phẩm đã được dịch từ bản tiếng Pháp lần đầu tiên vào năm 1966, với hai bản dịch của Trần Thiên Đạo và Bùi Giáng. Nếu như Trần Thiên Đạo đặt tên Việt cho tác phẩm là “Cậu hoàng con”, thì Bùi Giáng đã rất sáng tạo đặt tên “Hoàng tử bé”, để từ đó nhân vật đáng yêu này đi cùng bạn đọc Việt Nam qua bao nhiêu năm tháng. Bản dịch của Bùi Giáng cũng tạo dấu ấn sâu sắc và dài lâu nhất trong nhiều thế hệ độc giả, bởi cho đến tận 20 năm sau mới có một bản dịch khác xuất hiện, “Chú bé hoàng tử” của Nguyễn Thành Long, do Nhà xuất bản Ngoại văn phát hành (1987) và được tái bản với tựa “Em bé con nhà trời” (NXB Kim Đồng, 2000). Rồi lần lượt xuất hiện các bản dịch cùng tựa “Hoàng tử bé” của Vĩnh Lạc (NXB Đồng Nai, 1994) và Trịnh Nhất Định (NXB Trẻ, 2000).



Bìa các bản dịch tiếng Việt truyện “Hoàng tử bé”. Nguồn: [Petit Prince Collection](#).

Điểm chung của các bản dịch này là hầu hết đều dựa vào bản tiếng Pháp phát hành tại Pháp từ 1946, và in minh hoạ đen trắng. Bản dịch của tôi là bản thứ bảy, do nhà Đông A phối hợp với Nhà xuất bản Hội nhà văn phát hành năm 2005, có một sự khác biệt cơ bản. Đó là, tôi dựa vào bản gốc tiếng Pháp do Gallimard phát hành năm 1999, được phục hồi nguyên vẹn và trung thành nhất so với nguyên bản

phát hành năm 1943 tại Mỹ. Như vậy, có thể xem là 70 năm sau tai nạn làm gián đoạn chuyến bay đến Sài Gòn, một mối nhân duyên run rủi đã đưa chàng hoàng tử bé trở về Việt Nam đầy trọn vẹn với những gì nguyên sơ, tinh khôi nhất của thuở ban đầu.

Chuyến trở về từ mối “duyên rủi” này, thực ra lại được khởi sinh qua một mối duyên hạnh ngộ khác, kéo dài 100 năm.

Mối duyên hạnh ngộ 100 năm

Nhà văn Antoine de Saint-Exupéry sinh ngày 29 tháng 6 năm 1900 tại Lyon, thành phố lớn thứ ba Pháp. Năm 9 tuổi, ông cùng với em trai kế François và em gái út Gabrielle được mẹ đưa về sống gần nhà ông nội tại Le Mans, một thành phố nhỏ cách Paris khoảng 200 km về hướng tây nam. Ông trải qua gần sáu năm trọ học ở một ngôi trường cấp II công giáo tỉnh lẻ êm đềm, với phương châm chủ đạo là “Thành kính, lao động, giản dị”.

Đến năm 1914, khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, ông bắt đầu lưu lạc cùng gia đình, chuyển chỗ học cấp III nhiều lần, trước tiên là ở ngôi làng nhỏ Villefranche-sur-Saône thuộc tỉnh Rhône gần quê nhà Lyon. Cuộc sống nhàm chán nơi này đã khiến gia đình ông quyết định quay lại Le Mans kết thúc lớp đệ nhị (tương đương lớp 10 ở Việt Nam), trước khi chuyển sang Fribourg (Thụy Sĩ) học tiếp lớp đệ nhất. Sau khi tốt nghiệp tú tài, với hai kì thi tại Paris (lần 1) và Lyon (lần 2), ông lên Paris luyện thi vào Trường Hải quân, một ngôi trường đào tạo danh giá của nước Pháp. Từ đây ông bắt đầu có những cuộc gặp gỡ, tiếp xúc, bước dần vào thế giới văn chương.



Antoine de Saint-Exupéry cùng bạn học tại Trường Sainte-Croix, Le Mans: lớp đệ tam năm học 1913-1914 (trái) và lớp đệ nhị năm 1915 (phải). Nguồn: [Succession Saint Exupéry – d’Agay](#).

Thi vào Trường Hải quân không đạt, ông đăng kí học dự thính ngành kiến trúc tại Trường Mĩ thuật Quốc gia trong một thời gian ngắn. Tình yêu với bầu trời từ thuở bé của ông như bông hoa bung nở năm 1921, khi ông thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trung đoàn Không quân tiêm kích số 2 ở Strasbourg, được theo học và hoàn thành chứng chỉ phi công quân sự. Đặc biệt là từ năm 1926, khi ông trở thành phi công lái máy bay đưa thư cho hãng Latécoère, sau vài công việc tạm bợ trong quãng thời gian đầu kết thúc nghĩa vụ quân sự. [Sự nghiệp văn chương của Saint-Ex](#) (tên gọi thân mật mà người đời sau đặt cho ông) bắt đầu đạt được những thành tựu mà giờ đây ai cũng biết đến...

[Tôi xuất thân từ một thị trấn nhỏ miền cao nguyên](#) Lâm Đồng. Từ nhỏ đến khi tốt nghiệp cấp III năm 1996, trước khi rời quê hương xuống Sài Gòn học đại học, một chữ tiếng Pháp bẻ đôi tôi cũng không biết. Lúc bấy giờ cộng đồng Pháp ngữ đang trên đà phát triển mạnh mẽ, tôi có cơ hội đăng kí học chương trình tăng cường tiếng Pháp ngoài thời gian học chuyên môn sinh học và sư phạm. Thông thường, những người học tiếng Anh trước rồi chuyển sang tiếng Pháp rất hay gặp khó khăn; nhưng cá nhân tôi thì lại thấy rất dễ dàng. Thậm chí, tôi còn tìm được nhiều điểm tương đồng giữa các quy tắc văn phạm tiếng Pháp với những gì tôi đã được học từ một [thầy giáo dạy tiếng Anh năm lớp 8](#).

Tốt nghiệp đại học năm 2000, [tôi được cấp học bổng du học Pháp](#), theo chương trình cao học chuyên sâu (DESS) “Giảng dạy khoa học bằng tiếng Pháp ngôn ngữ nước ngoài” tại [Đại học Le Mans](#). Đây cũng là thời điểm nước Pháp kỉ niệm 100 năm ngày sinh Saint-Ex, với rất nhiều tin tức, bài viết về

cuộc đời và sự nghiệp của ông. Gần tròn một tháng sau khi đặt chân đến Le Mans, tôi đi nhà sách và mua được quyển [“Le Petit Prince” ấn bản 1999](#), do nhà xuất bản Gallimard vừa phát hành lại, phục hồi một cách trung thành nhất ấn bản đầu tiên tại Mĩ, cũng là bản duy nhất có sự xác thực của tác giả lúc sinh thời.

Những kí ức thời thơ ấu của Saint-Ex, trong đó có quãng thời gian ông sinh sống và học tập tại Le Mans, là một phần cấu thành quan trọng của tác phẩm “Hoàng tử bé”. Tôi bắt đầu đọc tác phẩm năm 22 tuổi, nhưng với vốn liếng ngôn ngữ như một đứa trẻ, sau trên dưới [1.000 giờ học tiếng Pháp suốt bốn năm đại học](#). Cuộc sống xa quê hương đất nước thuở Internet còn sơ khai lúc bấy giờ càng làm tăng cảm giác cô độc, dường như đã giúp tôi “thấm” tác phẩm một cách nhẹ nhàng, tự nhiên. Ngay lập tức, tôi viết vào nhật kí: *“Anh tìm ra một nguồn vui mới em ạ! Anh sẽ dịch cuốn “Petit Prince”, để về tặng em.”*

Sự cô độc là [môi nhân duyên kì lạ gắn kết hoàng tử bé và chú phi công](#). Sự cô độc cũng là chất xúc tác cho cuộc hạnh ngộ 100 năm trên đất Pháp, ở thành phố Le Mans nhỏ bé yên bình. Lần đầu tiên tôi đọc “Hoàng tử bé” với tất cả sự trong trẻo nguyên sơ ban đầu. Lần đầu tiên tôi đọc Saint-Ex với ấn phẩm cuối cùng mà ông đã dày công trau chuốt. Như [bông hoa hồng đốm đáng](#) trong truyện vẫn *“không ngừng tô điểm thêm nhan sắc, bên trong căn phòng xanh khép kín của mình. Nó lựa thật kĩ từng nước màu. Nó chậm rãi khoác từng vạt áo, làm đầy đặn thêm từng cánh hoa. Nó không muốn nở ra nhẵn nhụi như đám hoa mào gà. Nó chỉ muốn xuất hiện trong ánh hào quang rực rỡ của một sắc đẹp đầy đặn.”*

Tôi vốn học chuyên sâu về khoa học, chỉ có chút vui thú viết lách như một cuộc dạo chơi chón văn chương. Dịch sách dịch truyện không phải là nghề nghiệp, nên tôi chỉ dịch vì niềm yêu thích. Một sự yêu thích vì đồng cảm với những thông điệp nhẹ nhàng, giản dị nhưng vô cùng sâu sắc mà Saint-Ex đã gửi gắm lại cho đời sau. Như ông viết về [tình yêu thương và niềm hạnh phúc](#): *“Nếu ai đó yêu thương một bông hoa chỉ có duy nhất giữa hàng triệu triệu những vì sao, chỉ cần ngược mắt ngắm nhìn nó cũng đã đủ cảm thấy hạnh phúc rồi.”* Đó chính là cảm giác mà tôi đã bao lần trải qua trên đất Le Mans, mỗi đêm khuya tan giờ làm thêm ở nhà hàng trong trung tâm thành phố, một mình đạp xe về kí túc xá trên đồi cao ở vùng ngoại ô, miệng lẩm nhẩm bài [tình ca của muôn đời](#). *“Phi phò leo con dốc dài. Trên đỉnh đầu chợt một ngôi sao sáng. Sao Hôm. Sao Mai. Sao Vệ nữ. Sao Kim. Sao dẫn dắt tình yêu, sao tiếp thêm sức mạnh...”*

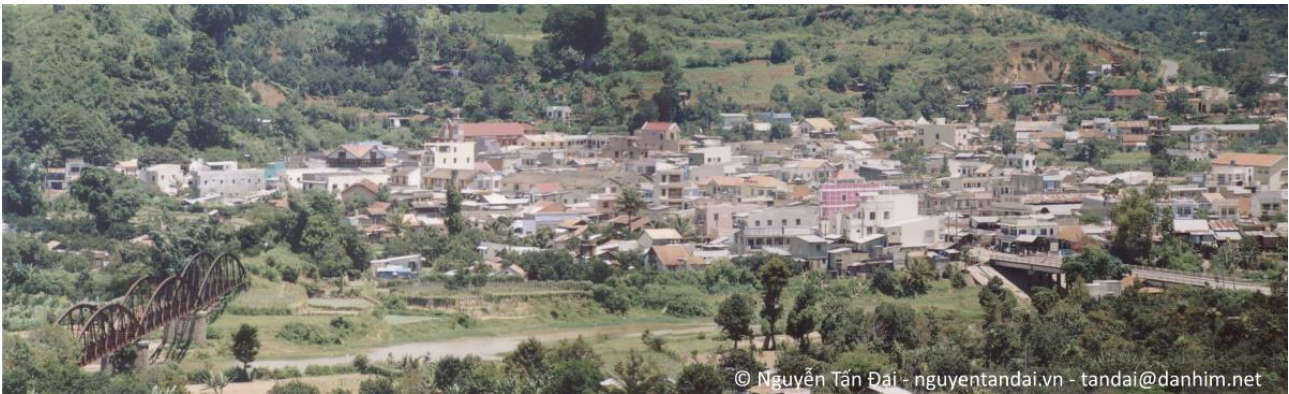
Dù vậy, bản dịch mà tôi mong mỏi phải đến gần ba năm sau đó mới hoàn thành, trước khi được xuất bản lần đầu năm 2005. Tựa như “cuộc trang điểm bí ảo” của bông hoa hồng, quá trình thai nghén, thành hình và xuất bản bản dịch “Hoàng tử bé” của tôi cũng kéo dài trong thâm lặng. Và dĩ nhiên, cũng cần nhiều môi duyên lành khác, kết nối từ trái tim đến trái tim...

Những môi duyên lành từ trái tim đến trái tim

Cuộc thai nghén bản dịch

Một môi duyên đầu tiên, khởi từ xa xưa, trên miền đất cao nguyên nhỏ bé thanh bình, thị trấn Dran. Giai thoại kể rằng, ngày xưa bác sĩ Alexandre Yersin trên hành trình khám phá ra cao nguyên Lâm Viên (Lang Biang), nơi xây dựng thành phố Đà Lạt vài chục năm sau đó, đã đi qua Dran. Khi dừng chân trên đỉnh núi cao nhìn xuống, ông thấy một thung lũng ngập tràn mây trắng, nên gọi đó là “Thung lũng Mây”. Giai thoại ấy không biết thực hư ra sao, nhưng việc [bác sĩ Yersin thám tủng quan toàn quyền Paul Doumer đi cao nguyên Lang Biang](#), vào tháng 3 năm 1899, theo lộ trình từ Phan Rang qua Krong Pha, Ngoạn Mục đến Dran rồi lên Trạm Hành, Đà Lạt là có thật.

Theo dòng lịch sử, thành phố Đà Lạt được xây dựng theo phong cách Pháp để phục vụ người Pháp. Và dĩ nhiên, người bản địa cũng được thụ hưởng “kế” một môi trường kinh tế, văn hoá và giáo dục khác biệt, nhất là nhờ có tuyến đường sắt răng cưa, một công nghệ độc đáo hàng đầu thế giới, đi ngang qua Dran với hai nhà ga Eo Gió và Càn Rang, cùng [chiếc cầu sắt một thời thanh thoát u mặc](#). Trong quyển tản văn [“Chuyên xứ Dran xưa”](#), thầy giáo cao niên Lâm Trung Châu đã kể lại những câu chuyện dung dị, dí dỏm mà lại mang đầy chất tư liệu về đời sống xã hội của cái xứ rẻo cao nhỏ bé tưởng chừng không ai biết ấy.



Toàn cảnh thị trấn Dran (năm 2004) với cây cầu sắt trên tuyến đường sắt răng cưa Tháp Chàm-Đà Lạt.

Cái nơi hẻo lánh heo hút mà ngôn ngữ miệt thị gọi là “xứ Mọi”, từ thuở xa xưa gần một thế kỉ trước, đã có gần như đầy đủ mọi thành tố của một xã hội văn minh như trường học, nhà thương, nhà bảo sanh, chợ, giếng nước công cộng, nhà công, tiệm sách, hiệu ảnh, rạp phim, “*bar dancing*” (quán bar sàn nhảy), “*cercle sportif*” (câu lạc bộ thể thao), sân vận động, xe khách... Đặc biệt là trường học, với chương trình và cách tổ chức tương đồng theo phong cách phương Tây, ngoài các môn học bằng quốc văn học trò còn được học tiếng Pháp từ nhỏ và thi theo chương trình của Pháp. Ngay kì thi tiểu học năm 1950, lứa học trò đầu tiên của *École de Dran* đậu hoàn toàn với tỉ lệ 100 %. Có lẽ chính [mối duyên khởi với tiếng Pháp trên vùng đất quê hương](#) này đã dẫn dắt tôi từ một chàng trai 18 tuổi không biết một chữ bẻ đôi tiếng Pháp, bắt đầu hành trình cuộc đời gắn chặt với tiếng Pháp trong suốt hơn 25 năm sau đó, cùng nhiều mối duyên khác xoay quanh “Hoàng tử bé”.

Nếu như Saint-Ex đã trải qua trên dưới 6 năm trung học tại Le Mans và gần 1 năm học làm phi công tại Strasbourg, thì tôi gần như ngược lại, với gần 1 năm học cao học tập trung tại Le Mans và [hơn 6 năm đi đi về về làm luận án tiến sĩ tại Strasbourg](#). Thời ở Le Mans, tôi chỉ mất một ngày một đêm để đọc trọn vẹn quyển truyện, và viết ngay vào nhật kí: “*Anh tìm ra một nguồn vui mới, em ạ! Anh sẽ dịch cuốn “Petit Prince”, để về tặng em.*” Trên đất Pháp, tôi đã bắt tay vào dịch được một phần quyển truyện, nhưng không ưng ý lắm. Những khó khăn ngôn từ trong bối cảnh sống một mình ở nước ngoài, cơ hội tiếp xúc bằng tiếng mẹ đẻ rất hạn chế với một số ít ỏi bạn bè và người quen Việt Nam, đã không cho phép tôi tìm được cách diễn đạt trọn vẹn ý nghĩa của tác phẩm bằng tiếng Việt.



Ngày hội “24 giờ sách” hàng năm tại Le Mans, một trong những hội sách lâu đời nhất tại Pháp.

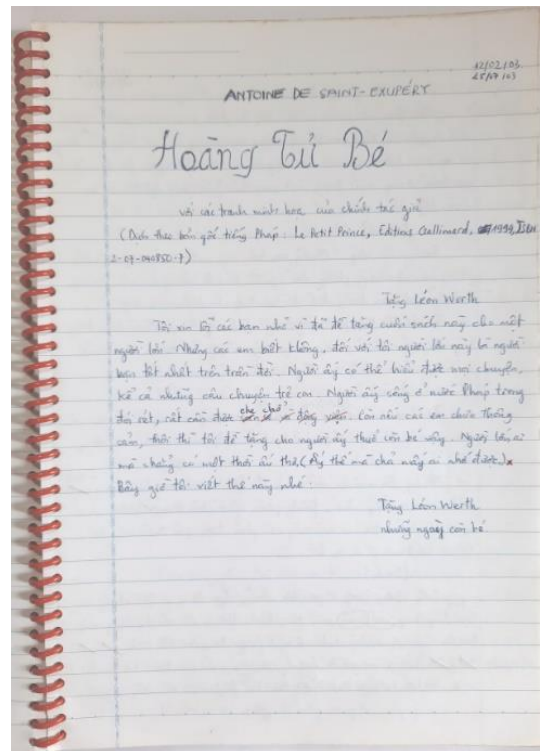
Về nước, [tôi dạy học phổ thông một năm ở Đức Trọng](#). Đến hè 2002, tôi quay lại Sài Gòn làm việc cho chính tổ chức đã cấp học bổng du học Pháp cho tôi, trước [ngày cưới vợ](#) chưa đầy một tháng. Cuộc sống và công việc cuốn trôi, tôi tạm gác lại bản dịch còn dang dở. Thỉnh thoảng đi nhà sách Xuân Thu, thời còn nằm trong khu Eden ở trung tâm Sài Gòn, tôi thấy ở quầy sách ngoại văn có bản dịch song ngữ của Nguyễn Thành Long với tựa “Chú bé hoàng tử” (NXB Văn nghệ, 2000), nhưng kiên quyết không mở ra đọc để tránh bị ảnh hưởng. Sau gần [hai năm vợ chồng xa cách](#), mỗi tuần đi đi về về trên những chuyến xe khuya Sài Gòn-Bảo Lộc, trải nghiệm sống dần đầy hơn, tôi mới bắt tay vào dịch lại, và quyết định xé bỏ toàn bộ các trang dịch viết tay đã mang từ Pháp về.

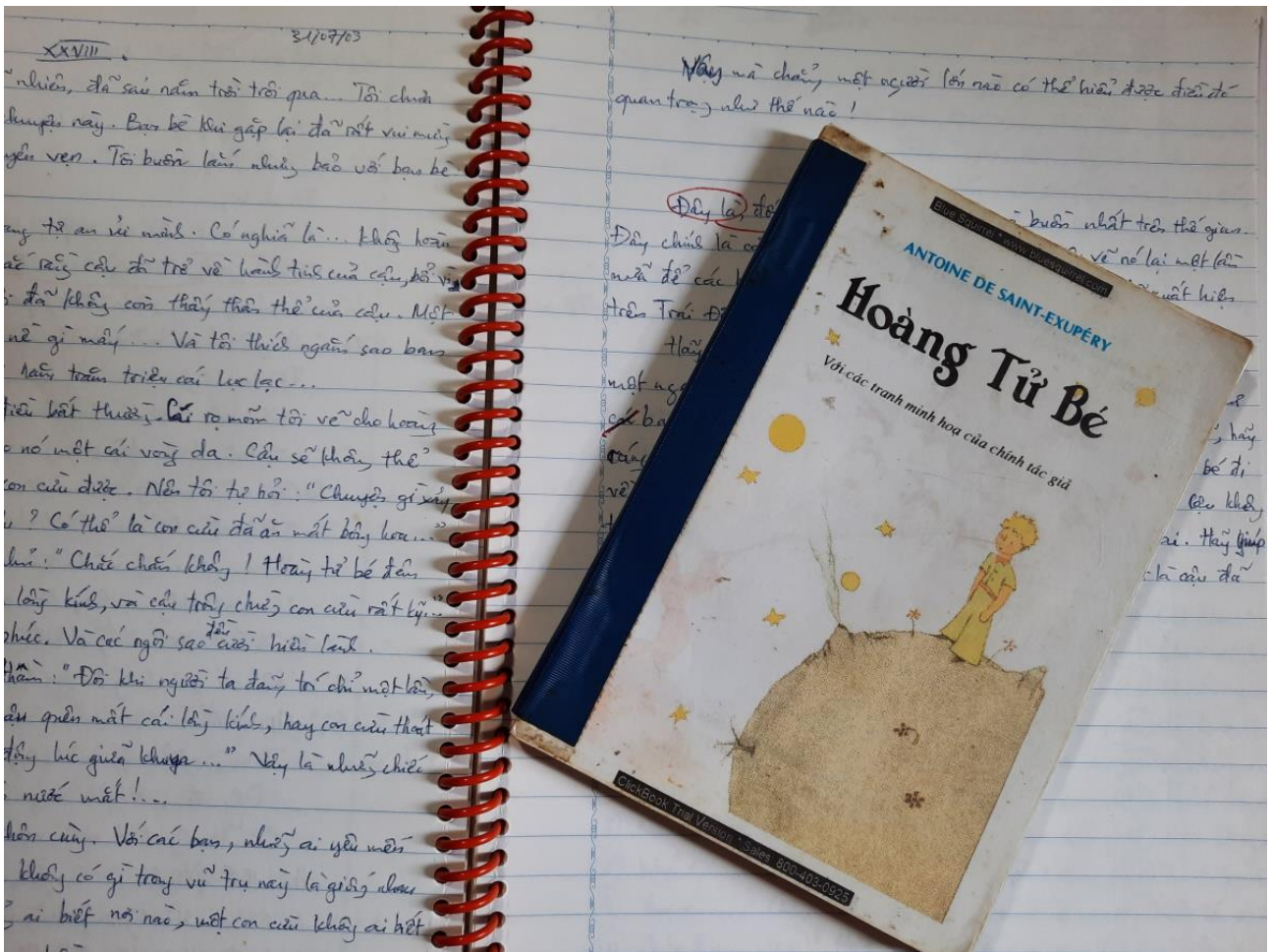
Sau Tết Quý Mùi 2003, tôi bắt đầu trang dịch mới, chép tay trong một quyển vở còn giữ lại từ thời đi học. Đường như sự đồng cảm với tác phẩm cùng những trải nghiệm tích lũy đủ nhiều nên mỗi lúc ngồi dịch tôi thường viết một mạch không nhấp, rất ít khi phải tẩy xóa. Cứ cách vài ngày hay có khi vài tuần tôi lại dịch một đoạn, thường vào buổi tối khuya khi mọi người ở nhà trọ đã đi ngủ, không gian đủ tĩnh lặng để suy ngẫm và lựa chọn ngôn từ câu chữ. Dịch đến đâu tôi ghi ngày cẩn thận đến đó, như một thói quen để định vị dòng chảy suy nghĩ của bản thân.

Nhưng đến tận tháng 6 năm đó tôi vẫn chỉ dịch được chưa đầy một phần ba tác phẩm, đến giữa chừng [chương VIII](#), đoạn bông hoa hồng kiêu ki đóm đáng trên tiểu hành tinh của hoàng tử bé vừa mới nở. Quá trình thai nghén và tích tụ ý tưởng cho bản dịch này tựa như cuộc trang điểm bí ảo của bông hoa: “*Nó lựa thật kỹ từng nước màu. Nó chậm rãi khoác từng vạt áo, làm đầy đặn thêm từng cánh hoa. Nó không muốn nở ra nhẵn nhụi như đám hoa mào gà. Nó chỉ muốn xuất hiện trong ánh hào quang rực rỡ của một sắc đẹp đầy đặn.*”

Tháng 7, tôi lấy trọn vẹn 5 tuần nghỉ phép năm theo chế độ của cơ quan. Vợ tôi xuống Sài Gòn rồi hai vợ chồng đánh xe máy, chạy một vòng ra Phan Thiết, Nha Trang thăm người thân. Sau đó vòng lên Đơn Dương thăm nhà tôi rồi quay về Bảo Lộc nghỉ ở nhà vợ. Suốt một tuần lễ cuối tháng 7 tại Bảo Lộc, đứng dịp tròn một năm ngày cưới, ngoài giờ ăn và ngủ tôi gần như chỉ có ôm sách vở ngồi dịch truyện. Một mạch từ ngày 25, tôi xem lại bản dịch từ đầu, biên tập đôi chút và dịch tiếp đến ngày 31 thì hoàn tất bản dịch viết tay.

Dĩ nhiên, độc giả đầu tiên của bản dịch ấy không ai khác hơn là [vợ tôi](#), cô bạn cùng lớp đại học năm nào. Sau khi nhận được lời góp ý về những điểm có thể biên tập, chỉnh sửa thêm, tôi bắt đầu đánh máy từ bản dịch viết tay, quét ảnh từ quyển sách gốc để chèn vào, trình bày thành một quyển sách mini kích cỡ A6 để có thể in ra giấy A4 và đóng tập dễ dàng. Về lại Sài Gòn, tôi bắt đầu in quyển sách bé tí nhưng màu sắc đầy đủ, gửi tặng vài người thân quen để đọc cho vui. Và nhận được những phản hồi tích cực, đặc biệt là những góp ý về một số câu chữ của [thầy Phan Tấn Lợi](#), người thầy dạy tiếng Anh năm tôi học lớp 8, chỉ trong một học kì mà đã tạo dựng gần như mọi nền tảng căn bản về ngoại ngữ cho tôi suốt cuộc đời đi học về sau.





Cuộc kết tụ yêu thương

Được nhiều người khen ngợi và động viên, tôi in một bản sách mini mới rồi lò dò qua một nhà xuất bản nổi tiếng mà tôi ưa thích vào thời ấy. Một cô biên tập viên bước ra tiếp tôi, hỏi có việc gì. Tôi rụt rè đáp dạ em có bản dịch câu chuyện được nhiều người khen muốn gửi nhà xuất bản xem có in được không. Cô ấy hỏi tiếp truyện gì rồi bảo: “*Hoàng tử bé á? Đã có bản dịch của Bùi Giáng hay quá rồi. Bạn về tìm truyện khác đi nhé.*” Thật giống như [tình tiết mở đầu câu chuyện](#), khi cậu bé 6 tuổi bị người lớn khuyên hãy “*quên những con trăn bụng đóng hay bụng mở đi*” và đành “*từ bỏ sự nghiệp họa sĩ rực rỡ từ dạo ấy*”.

Tôi gác lại giấc mơ xuất bản, vì đó cũng không phải mục đích chính ban đầu của mình. Dịch trọn vẹn một tác phẩm kinh điển hàng đầu thế giới và được những người biết đọc sách thân quen khen ngợi, với tôi thế là đủ, để chia sẻ những thông điệp yêu thương đơn giản mà sâu sắc của câu chuyện. Nhưng rồi đến năm 2005, một hôm đi nhà sách, tôi thấy một bản dịch “*Hoàng tử bé*” của một người khác mới phát hành (bản dịch thứ sáu). Mở trang đầu ra đọc, tôi lại nghĩ, nếu bản này in được thì sao bản của mình lại không thể in.

Thế là, tôi in tiếp một bản sách mini mới, gửi bưu điện qua một nhà xuất bản khác, mà tôi nghĩ có thể quan tâm đến mảng sách dành cho thiếu nhi. Sau vài tuần không thấy phản hồi, tôi tìm số điện thoại để hỏi xin hẹn rồi đến trực tiếp nhà xuất bản. Tiếp tôi là một cô biên tập viên vốn là một nhà văn trẻ thuộc một bút nhóm nổi tiếng của một tờ báo tôi thích đọc thuở học trò. Khi tôi tự giới thiệu, cô với tay ra sau cầm lấy quyển sách của tôi và nói: “*Thú thật với bạn là mình chưa đọc. Nhưng ý tưởng đóng thành quyển sách này cũng dễ thương á chứ...*” Rồi cô hẹn tôi có thể một lúc nào đó sau này nhà xuất bản lập tủ sách kinh điển Pháp, thì sẽ cân nhắc lại bản dịch của tôi.

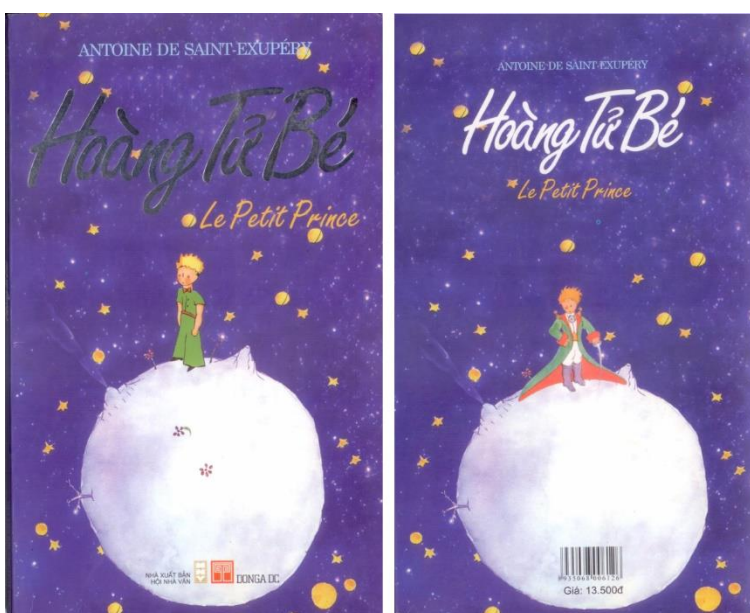
Lại là một sự trùng hợp với chương mở đầu, khi chú phi công dẫn truyện: “*Bức tranh số 1 rồi bức tranh số 2 lần lượt thất bại đã làm tôi nản lòng. Người lớn có bao giờ tự mình hiểu được chuyện gì*

đâu, và thật là mệt cho trẻ con lúc nào cũng cứ phải giải thích cho họ...” Cho đến khi một mối cơ duyên mới xuất hiện.

Trong quãng thời gian ấy, tôi đang đọc các tác phẩm của nhà văn Hồ Anh Thái, vừa được phát hành rộng rãi trở lại. Tôi cũng thường đọc các bài viết giới thiệu tác phẩm mới, tác giả trẻ ít tên tuổi của anh. Tôi quyết định thử thêm một lần nữa, bằng cách gửi một bản sách mini ra nơi anh công tác là Hội Nhà văn Hà Nội. Sau vài tuần chờ đợi, tôi nhận được một bức điện thư anh gửi, cho biết vừa đi công tác ở nước ngoài về, dù đã đọc nhiều bản dịch khác rồi nhưng hứa “sẽ bắt đầu đọc bản dịch của Nguyễn Tấn Đại”.

Chỉ vài ngày sau, anh lại nhắn tiếp cho tôi rằng anh có người bạn là họa sĩ Trần Đại Thắng, cũng là ông chủ nhà Đông A, muốn phát hành bản dịch của tôi. Mọi chuyện sau đó diễn ra rất nhanh, để đến tháng 05/2005 thì [bản in chính thức của Nhà xuất bản Hội Nhà văn](#) đã ra đời. Theo lời anh kể trong dịp công tác vào Sài Gòn ngay sau khi sách phát hành, lúc đăng kí xuất bản người ta đã hỏi dịch giả là ai, không có tên tuổi gì thì có chắc chắn là bản dịch tốt hay không. Và anh đã phải lấy uy tín của mình để bảo chứng, rằng dù có nhiều bản dịch rồi thì đây là một bản dịch có chất riêng biệt.

Sáu bản dịch trước đó đều dịch trực tiếp từ bản tiếng Pháp in tại Pháp hay gián tiếp qua bản dịch tiếng Anh, và tất cả đều in đen trắng với cách thức trình bày tương đối cân phương. Đến bản dịch của tôi, họa sĩ Trần Đại Thắng đã thiết kế một mẫu bìa hoàn toàn khác biệt, với toàn bộ nền màu tím sẫm làm nổi bật lên tựa sách in nhũ bạc lấp lánh, cùng hình ảnh hoàng tử bé đứng trên tiểu hành tinh của mình ngắm bầu trời sao vàng ươm rực rỡ. Bên trong ruột sách, toàn bộ hình ảnh minh họa màu của tác giả được quét lại từ quyển sách gốc tiếng Pháp và in đơn sắc, tạo cảm giác nhẹ nhàng mà có chiều sâu.



Hôm nhà văn Hồ Anh Thái vào Sài Gòn, anh có hẹn với hai nhà văn Nguyễn Danh Lam và Vũ Đình Giang, cho tôi địa chỉ để đến nhận sách tặng do Đông A gửi. Nhân tiện, tôi gửi tặng mỗi người một quyển. Cầm quyển sách trên tay, nhà văn Nguyễn Danh Lam nói với nhà văn Hồ Anh Thái: “Đây là quyển sách Hoàng Tử Bé đẹp nhất mà em thấy từ trước đến giờ.” Tôi cầm mấy quyển sách còn lại chạy về giữa trưa nắng, lái xe máy mà người cứ lâng lâng như bay tận trên mây.

Bản dịch của tôi được nhà Đông A duy trì phát hành được hai năm thì ngưng. Khi có các bản dịch khác tiếp tục ra đời, như Châu Diên (tức nhà giáo Phạm Toàn) năm 2007, Đỗ Trinh Huệ năm 2008, thì Đông A chuyển sang in lại bản dịch của Vĩnh Lạc, với bộ tranh minh họa lấy từ bản dịch của tôi và bìa sách có điều chỉnh đôi chút. Tôi tôn trọng lựa chọn đó mà không nghĩ gì đến việc tái bản bản dịch của mình nữa.

Thay vào đó, tôi chọn [cách công bố bản dịch trên trang mạng cá nhân](#), chia theo từng chương cho dễ đọc. Đồng thời, tôi tìm kiếm thông tin về các bản dịch tiếng Việt của tác phẩm, lập thành danh sách và viết thêm phần “[Lời người dịch](#)”. Có lẽ, đây là danh sách hệ thống hoá các bản dịch truyện “Hoàng tử bé” đầu tiên tại Việt Nam, được dẫn lại trong [trang Wikipedia tiếng Việt viết về tác phẩm này](#).

Một lần nữa công việc và cuộc sống lại cuốn đi. Đến khi có cơ hội quay trở lại Pháp làm nghiên cứu sinh từ năm 2011, cảm xúc và tâm tư trỗi dậy, tôi quyết định hiệu đính bản dịch đầu vì có vài chỗ tôi nhận thấy mình hơi phóng tay, dịch thoát hơi xa so với tinh thần nguyên bản. Ngoài ra, trong bản dịch đầu tôi bỏ qua phần lời tựa bản gốc tiếng Pháp năm 1999, vốn rất quan trọng để làm rõ bối cảnh đặc biệt của ấn bản này, nên cũng đã bổ sung thêm vào. Nhưng tất cả các nội dung cập nhật tôi chỉ đăng

trên trạm mạng cá nhân, và thỉnh thoảng phản hồi các lời bình luận của những bạn đọc hiếm hoi tình cờ tìm đến.

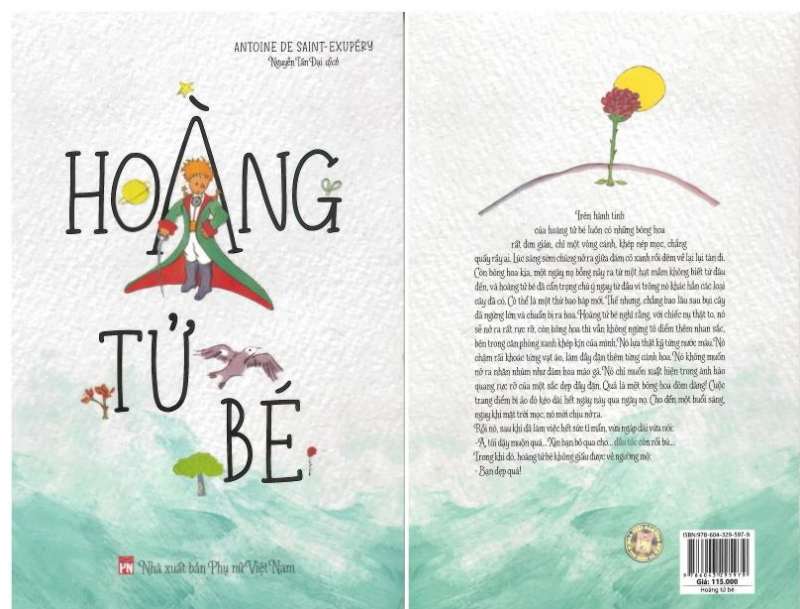
Điều duy nhất tôi còn trăn trở nếu muốn tái bản, đó là phải in màu các bức tranh minh họa để thể hiện tốt nhất thần thái cốt lõi của tác phẩm. Đây là điểm mà tôi đã muốn thực hiện ngay lần đầu năm 2005, nhưng vì nhiều lí do mà ý định không thành. Và tôi tưởng như cơ hội ấy đã không còn, khi nhà Nhã Nam phát hành [bản dịch của Trác Phong năm 2013](#), nhân dịp kỉ niệm 70 năm ra đời tác phẩm.

Số bản dịch mới không ngừng ra đời. Cả các bản dịch cũ cũng được in lại, có khi đổi tên, thay mẫu bìa, thậm chí còn tự vẽ tranh minh họa thay cho bộ tranh gốc của chính tác giả. Tôi chỉ lặng lẽ theo dõi, cập nhật, thỉnh thoảng mua những bản mình thấy xứng đáng ở một góc độ nào đó để làm bộ sưu tập riêng.

Cho đến tận giữa năm 2020, thông qua một người bạn tôi quen trong thời gian đi Pháp, một doanh nghiệp tại Hà Nội đã đặt vấn đề sử dụng bản dịch của tôi để làm sách nói. Tôi vui vẻ ủng hộ ngay, và nhiệt tình hợp tác để biên tập lại lần nữa bản hiệu đính năm 2011. Số là, trong bản dịch của mình tôi cố tình dùng các cách gọi tên và xưng hô theo phương ngữ Nam Bộ. Để đáp ứng nhu cầu phân phối sản phẩm sách nói rộng rãi trong toàn quốc, tôi cần điều chỉnh lại theo ngôn ngữ phổ thông. Sự chỉnh sửa này cũng là một dịp tốt để tôi chiêm nghiệm lại lần nữa tác phẩm và chọn lựa từ ngữ cẩn thận hơn sao cho thể hiện tốt hơn nữa các chiều kích tình cảm rất đa dạng giữa các nhân vật trong truyện. Đó là một thử thách không đơn giản, vì tiếng Pháp chỉ có hai ngôi xưng hô với người đối diện và một ngôi duy nhất xưng hô bản thân, trong khi tiếng Việt thì có muôn vàn các đại từ hay danh từ xưng hô khác nhau tùy thuộc vào mối quan hệ cụ thể giữa các nhân vật.

Cuối năm ấy, bản dịch năm 2005 của tôi được chọn đưa vào sách giáo khoa, từ một [mối duyên 15 năm](#) như đã kể ở phần đầu. Trong quá trình trao đổi với nhóm soạn sách giáo khoa, tôi đã biên tập bổ sung thêm một số điểm nữa trước khi trình hội đồng thẩm định bản in chính thức. Để chia vui với bạn bè và người thân, tôi quyết định bỏ tiền túi thuê in màu trọn vẹn quyển sách mini, với kích cỡ lớn hơn một chút để nhìn cho đẹp. Trong số vài chục bản sách in thử công ấy, tuy trình bày đơn giản nhưng không kém phần trang trọng, một bản đã được người chị đồng hương Nguyễn Thị Thanh Thủy, phụ trách Hội quán các bà mẹ, chuyển cho Chi nhánh Nhà xuất bản Phụ nữ tại TP. HCM, cách cơ quan làm việc của tôi chỉ vài bước chân.

Cơ hội tái bản đã đến, tôi thoả thuận ngay với nhà xuất bản về việc in màu, và làm đại diện liên lạc về vấn đề bản quyền. Thực ra, tác phẩm ra đời đã lâu, tác giả mất tích hơn 60 năm tại thời điểm phát hành bản dịch của tôi lần đầu và hơn 75 năm tại thời điểm tái bản, nên phần văn bản đã thuộc di sản công cộng, không cần phải xin phép dịch. Chủ yếu là phần ảnh minh họa có đặc thù riêng, còn được bảo hộ và cần phải được sự cho phép của những người giữ quyền khai thác.

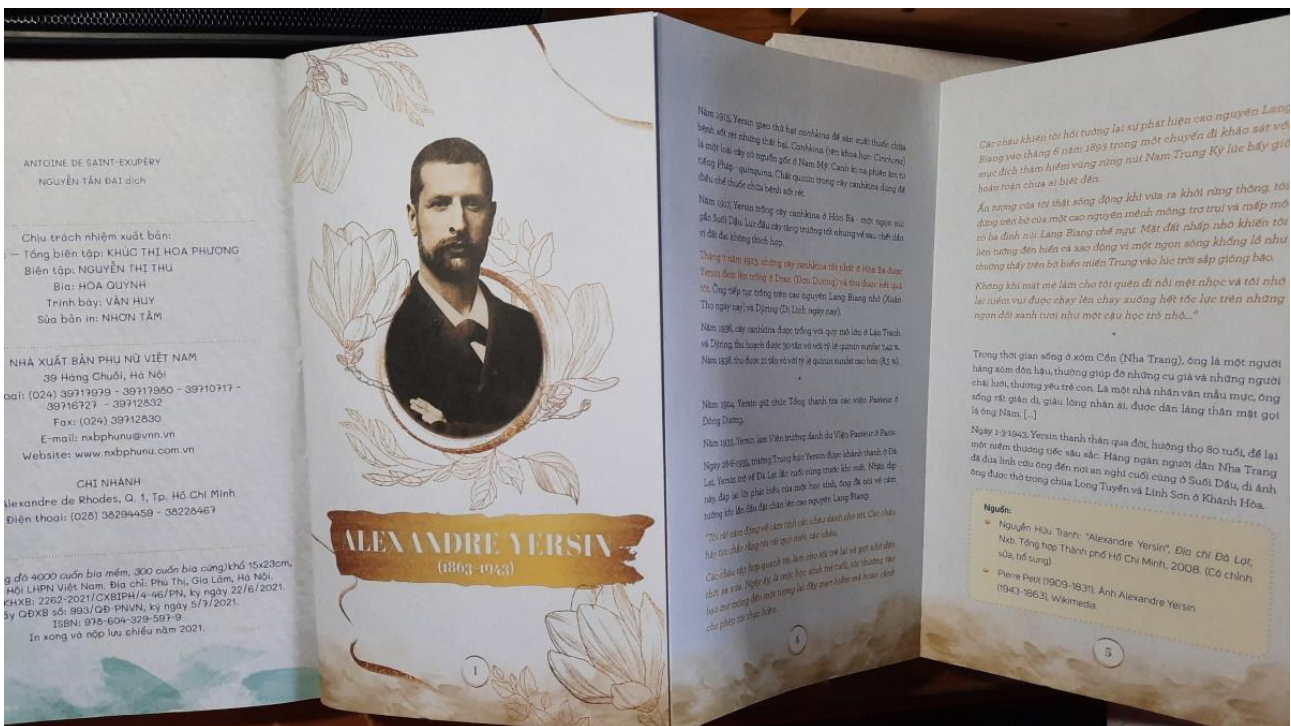


Đến tháng 05/2021, tôi liên hệ được [Quỹ Thừa kế Saint Exupéry – d’Agay](#) là nơi thừa hưởng quyền lợi hợp pháp từ di sản Saint-Ex để lại. Chủ tịch quỹ là ông Olivier d’Agay, cháu nội của em gái út Saint-Ex, đã uỷ quyền cho [Quỹ Jean-Marc Probst vì Hoàng tử Bé](#) (Quỹ JMP) cung cấp miễn phí bộ ảnh màu cho lần xuất bản này. Không chỉ thế, ông Jean-Marc Probst là một người vô cùng yêu mến hoàng tử bé, chủ sở hữu một bộ sưu tập hơn 6.200 ấn bản “Hoàng tử bé” bằng hơn 500 ngôn ngữ,

cùng hàng ngàn vật phẩm đủ các thể loại khác liên quan đến tác phẩm này, nên đã ngỏ lời hỗ trợ một phần chi phí in ấn.

Thật tình cờ, Quỹ JMP có trụ sở tại Lausanne, Thụy Sĩ, thủ phủ quê hương bác sĩ Alexandre Yersin. Khi biết tôi sinh ra và lớn lên ở Lâm Đồng, cùng với việc bản dịch của tôi được đưa vào sách giáo khoa và tỉnh Lâm Đồng chọn bộ sách này để giảng dạy, ông đã cân nhắc lại và nâng cao mức hỗ trợ để in hẳn 2.000 bản nhằm gửi tặng cho các trường học của cả tỉnh. Như thế, học sinh lớp 6 của cả tỉnh sẽ không chỉ được đọc một đoạn trích, mà có cơ hội đọc và cảm nhận trọn vẹn tác phẩm với đầy đủ tranh minh họa màu, trung thành tối đa với nguyên tác.

Do tính chất đặc biệt của bản in tặng này, tôi đã đề nghị bổ sung một bài viết về hành trình bác sĩ Yersin khám phá ra cao nguyên Lang Bian ở cuối sách. Nghiên cứu về lịch sử Đà Lạt, có lẽ khó ai làm hơn được chú Nguyễn Hữu Tranh, vốn là một gương mặt ưu tú trong các [thế hệ học trò đầu tiên của École de Dran](#) năm xưa. Tôi liên hệ và được chú đồng ý ngay lập tức đề dùng lại bài viết về bác sĩ Yersin mà chú chấp bút đã lâu, in trong quyển “Địa chí Đà Lạt” (Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM, 2008). Duyên lành hội tụ, yêu thương kết nối, những miền đất tưởng là xa lạ Lausanne, Le Mans, Paris, Sài Gòn, Dran, Đà Lạt trở thành gần gũi, chừng như những áng mây bồng lảng trên bầu trời không ngừng trôi vượt không gian xuyên thời gian, cùng muôn vàn vì sao đêm lấp lánh tạo nên những dấu chấm nối liền đường bay dang dở của Saint-Ex thuở nào./.



Sài Gòn, 02-04/2022